TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2023
"V/v tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.

2. Bà Phạm Thị Bích Vân.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh Nh,** sinh năm 1971 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: khu vực 14, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị M,** sinh năm 1965 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: khu vực 14, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Trần Thanh Nh trình bày: vào năm 2003 ông và bà M do tự nguyện quen biết yêu thương và chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới cũng như không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa về tình cảm do không có tiếng nói chung dẫn đến mất hạnh phúc, sau đó giữa 02 người có giành thời gian hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả.

Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Phạm Thị M.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà M trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông Nh về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản chung và nợ chung.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh Nh bà thống nhất.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn có đơn xin vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: ông Trần Thanh Nh và bà Phạm Thị M tự nguyện chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên ông Nh có đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét quan hệ hôn nhân*: ông Trần Thanh Nh và bà Phạm Thị M chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại phiên đơn khởi kiện, ông Nh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường bất hòa và không tin tưởng nhau về tình cảm gia đình nên thường xuyên cãi vã nhau nên giữa ông và bà M đã ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Thời gian ly thân không ai quan tâm tới ai từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông Nh và bà M thật sự đã trầm trọng, cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời bà M cũng thống nhất không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* các đương sự thống nhất không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét gải quyết

[5] *Về nợ chung:* các đương sự thống nhất không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét gải quyết

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Nh phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào các Điều**:* Khoản 7 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9; Điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận ông Trần Thanh Nh và bà Phạm Thị M là vợ chồng.

- Về con chung: không có, không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trần Thanh Nh phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí ông Nh đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003577 ngày 18/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành tiền án phí (công nhận ông Nh đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phương Văn Chính